VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 1741 Ngày 03/04/2024

SAO Y; Bộ thông tin và Truyền thông; 03/04/2024 13:35:24

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /2024/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

THÔNG TƯ

Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2); nguyên tắc quản lý sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; quy định một số trường hợp sản phẩm, hàng hóa được miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; quy định một số trường hợp ngưng hiệu lực, chưa bắt buộc áp dụng một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật.

2. Thông tư này chỉ áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa có mã số HS và mô tả sản phẩm, hàng hóa quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.

Điều 3. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và biện pháp quản lý được quy định như sau:

1. Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

1. Việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông và các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có tích hợp sản phẩm, hàng hóa khác thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật

tương ứng áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa đó và sản phẩm, hàng hóa được tích hợp.

3. Sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc đối tượng áp dụng của hai hay nhiều quy chuẩn kỹ thuật thì phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật đó.

4. Trong trường hợp quy chuẩn kỹ thuật đã ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà có quy định khác Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

5. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nếu có quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành thay thế quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; hoặc có quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành áp dụng bổ sung cho sản phẩm, hàng hóa quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thì áp dụng quy định tại Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật mới.

Điều 5. Quy định một số trường hợp sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy

1. Sản phẩm, hàng hóa tại mục 1, mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này có tích hợp thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn thuộc mục 2 Phụ lục I hoặc mục 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và không tích hợp thiết bị phát, thu-phát vô tuyến điện khác được miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy nếu đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Nhập khẩu để chính tổ chức, cá nhân nhập khẩu sử dụng;

b) Nhập khẩu tối đa 03 (ba) sản phẩm, hàng hóa đối với mỗi chủng loại trong lô hàng;

c) Sản phẩm, hàng hóa có băng tần hoạt động và thông số kỹ thuật đáp ứng điều kiện kỹ thuật và khai thác quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.

2. Sản phẩm, hàng hóa tại mục 1, mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này được miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với QCVN 101:2020/BTTTT, QCVN 132:2022/BTTTT, phần nội dung của quy chuẩn kỹ thuật trong đó có đòi hỏi phép thử phá hủy mẫu nếu đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Nhập khẩu tối đa 03 (ba) sản phẩm, hàng hóa đối với mỗi chủng loại trong lô hàng;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có văn bản cam kết sản phẩm, hàng hóa tuân thủ một phần/toàn bộ quy chuẩn kỹ thuật có phép thử phá hủy mẫu và hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn của sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu.

3. Việc miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 10 năm 2011 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Quy định một số trường hợp ngưng hiệu lực, chưa bắt buộc áp dụng một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật

1. Một số trường hợp sản phẩm, hàng hóa được ngưng hiệu lực, chưa bắt buộc áp dụng một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 khuyến khích thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này với toàn bộ quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này đã thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trong thời gian từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 nếu tiếp tục sản xuất, hoặc nhập khẩu phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy bổ sung cho đầy đủ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy mới theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024.

2. Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông và Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy đã cấp cho sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này trong thời gian từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn còn giá trị sử dụng cho đến hết thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận hợp quy, Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu được lựa chọn hoàn thiện hồ sơ công bố hợp quy, đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành theo quy định đối với quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT ngày 05 tháng 9 năm 2023, hoặc theo quy định đối với quy chuẩn kỹ thuật tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình áp dụng Thông tư này, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời những vấn đề vướng mắc và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ).

3. Trường hợp có vướng mắc về việc xác định mã số HS của hàng hóa nhập khẩu là sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này thì Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) hướng dẫn, xử lý thống nhất./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

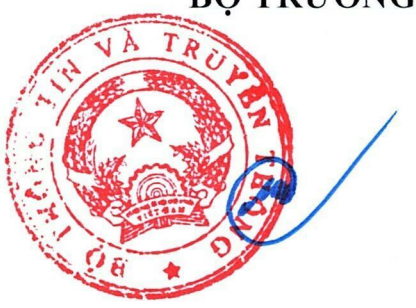

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02 /2024/TT-BTTTT ngày 29 tháng 1 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
1	**Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz**				
1.1	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất				
1.1.1	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất (3)	QCVN 86:2019/ BTTTT (1) QCVN 101:2020/BTTTT (1) (8) QCVN 117:2020/BTTTT hoặc QCVN 117:2023/BTTTT (7)	8517.13.00 8517.14.00	Máy điện thoại di động mặt đất sử dụng công nghệ E-UTRA (4G) và có thể tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau: - Đầu cuối thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Đầu cuối thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Truyền dữ liệu	- Kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 117:2020/BTTTT hoặc theo QCVN 117:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 117:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 117:2020/BTTTT còn giá trị sử dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 117:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 117:2020/BTTTT: ngưng hiệu

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 117:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. - Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động phải sử dụng công nghệ E-UTRA (4G) kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Giấy chứng nhận hợp quy cho thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động chỉ tích hợp/sử dụng công nghệ W-CDMA FDD (3G), GSM (2G và 2,5G) theo QCVN 117:2020/BTTTT còn thời hạn hiệu lực được tiếp tục áp dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực, nhưng không quá ngày 30 tháng
			8517.62.59	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu), tích hợp/sử dụng một hoặc nhiều công nghệ: E-UTRA (4G); W-CDMA FDD (3G); GSM (2G và 2,5G); và có thể tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau: - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				năm (5G); - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	6 năm 2024. - Đối với QCVN 101:2020/BTTTT: chỉ áp dụng cho máy điện thoại di động có sử dụng Pin Lithium rời hoặc đi kèm/gắn trong thiết bị (là một phần không thể tách rời của thiết bị).
1.1.2	Thiết bị đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) (3)	QCVN 18:2022/BTTTT (1) QCVN 101:2020/BTTTT (1) (8) QCVN 127:2021/BTTTT và QCVN 129:2021/BTTTT	8517.13.00 8517.14.00	Máy điện thoại di động mặt đất sử dụng công nghệ thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz;	- Áp dụng cả hai quy chuẩn kỹ thuật QCVN 127:2021/BTTTT và QCVN 129:2021/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy cho thiết bị đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) chỉ theo một trong hai quy chuẩn kỹ thuật QCVN 127:2021/BTTTT hoặc QCVN 129:2021/BTTTT còn thời hạn hiệu lực được tiếp tục áp dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực, nhưng không quá ngày 30 tháng 6 năm 2024.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	- Đối với QCVN 127:2021/BTTTT và QCVN 129:2021/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. - Đối với QCVN 101:2020/BTTTT: chỉ áp dụng cho máy điện thoại di động có sử dụng Pin Lithium rời hoặc đi kèm/gắn trong thiết bị (là một phần không thể tách rời của thiết bị).
			8517.62.59	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu), sử dụng công nghệ thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	
1.1.3	Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM (6)	QCVN 41:2016/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT (1)	8517.61.00	Thiết bị trạm gốc trong mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ GSM (2G và 2,5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA (4G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).	- Đối với QCVN 41:2016/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
1.1.4	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA	QCVN 16:2018/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT (1)	8517.61.00	Thiết bị trạm gốc trong mạng điện thoại di động sử	- Đối với QCVN 16:2018/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	FDD (6)			dụng công nghệ W-CDMA FDD (3G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA (4G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).	thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
1.1.5	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA (6)	QCVN 103:2016/BTTTT (1) QCVN 110:2017/BTTTT hoặc QCVN 110:2023/BTTTT	8517.61.00	Thiết bị trạm gốc trong mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ E-UTRA (4G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM (2G và 2,5G);	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 110:2017/BTTTT hoặc theo QCVN 110:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 110:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 110:2017/BTTTT còn giá trị sử

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).	dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 110:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 110:2017/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 110:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
1.1.6	Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) [6]	- Đối với trạm gốc đơn công nghệ (single-mode) loại 1-C, 1-H: QCVN 128:2021/BTTTT [10] QCVN 18:2022/BTTTT [1] - Đối với trạm gốc đơn công nghệ (single-mode) loại 1-O, 2-	8517.61.00	Thiết bị trạm gốc của mạng thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Thiết bị trạm gốc thông tin di động	- Đối với trạm gốc đơn công nghệ loại 1-C, 1-H: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn QCVN 128:2021/BTTTT đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. - Đối với trạm gốc đơn công nghệ loại 1-O, 2-O: ngưng hiệu

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		O: QCVN 128:2021/BTTTT (10) QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT (1) - Đối với trạm gốc đa công nghệ (mixed-mode): QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT (1)		GSM (2G và 2,5G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA (4G).	lực áp dụng toàn bộ QCVN 128:2021/BTTTT đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. - Nhà nhập khẩu phải khai báo và cam kết về chủng loại thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (trạm gốc đơn công nghệ loại 1-C, 1-H, 1-O, hoặc 2-O; trạm gốc đa công nghệ) trong hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng.
1.1.7	Thiết bị lặp thông tin di động GSM (6)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 103:2016/BTTTT (1)	8517.62.59	Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động sử dụng công nghệ GSM (2G và 2,5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Lặp thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Lặp thông tin di động E-UTRA (4G);	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- Lặp thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).	
1.1.8	Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD (6)	QCVN 66:2018/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT (1)	8517.62.59	Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động sử dụng công nghệ W-CDMA FDD (3G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Lặp thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Lặp thông tin di động E-UTRA (4G); - Lặp thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).	- Đối với QCVN 66:2018/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
1.1.9	Thiết bị lặp thông tin di động E-UTRA (6)	QCVN 103:2016/BTTTT (1) QCVN 111:2017/BTTTT hoặc QCVN 111:2023/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động sử dụng công nghệ E-	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 111:2017/BTTTT hoặc theo

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				UTRA (4G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Lặp thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Lặp thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Lặp thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).	QCVN 111:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 111:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 111:2017/BTTTT còn giá trị sử dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 111:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 111:2017/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 111:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
1.1.10	Thiết bị lặp thông tin di động thế hệ thứ	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT (1)	8517.62.59	Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	năm (5G) [6]			thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Lặp thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Lặp thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Lặp thông tin di động E-UTRA (4G).	
1.1.11	Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN) [5]	- Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 920 MHz – 923 MHz: + Đối với thiết bị có công suất phát đến 25 mW ERP QCVN 122:2020/BTTTT [12] QCVN 18:2022/BTTTT [1] + Đối với thiết bị có công suất phát trên 25 mW ERP đến 306 mW ERP QCVN 47:2015/BTTTT [2] QCVN 18:2022/BTTTT [1]	8517.61.00 8517.62.43 8517.62.59 8517.62.69 8517.62.99 8517.69.00	Thiết bị trạm gốc, thiết bị truy cập vô tuyến, hoặc thiết bị đầu cuối có chức năng cảm biến, đo lường, ghi nhận và truyền tải các thông số cần đo qua giao diện vô tuyến.	- Đối với QCVN 122:2020/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			9015.10.90	Thiết bị cảm biến mức nước, truyền tải các thông số đo	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				báo khói, có chức năng phân tích khói trong không khí và truyền tải tín hiệu cảnh báo khói về trung tâm điều khiển hoặc thiết bị cảnh báo khói qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.	
		- Cho thiết bị đầu cuối IoT băng hẹp E-UTRA: QCVN 131:2022/BTTTT (11) QCVN 18:2022/BTTTT (1)	8517.14.00	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất sử dụng công nghệ IoT băng hẹp được thiết kế hoạt động trong các băng tần E-UTRA.	
1.1.12	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự (3)	QCVN 37:2018/BTTTT (12) QCVN 18:2022/BTTTT (1)	8517.14.00	Thiết bị vô tuyến cầm tay có ăng ten liền dùng phương thức điều chế góc trong các nghiệp vụ di động mặt đất, hoạt động trong dải tần số vô tuyến từ 30	- Đối với QCVN 37:2018/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		- Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 433,05 MHz - 434,79 MHz có công suất phát đến 100 mW ERP: QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT (1)		lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.	
			9025.19.19	Thiết bị cảm biến nhiệt độ của không khí, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.	
			9025.80.00	Thiết bị cảm biến độ ẩm của không khí, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.	
			9027.89.90	Thiết bị cảm biến bụi trong không khí, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.	
			8531.10.30 8531.90.90	Thiết bị đầu báo khói trong hệ thống	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				MHz đến 1000 MHz với các khoảng cách kênh là 12,5 kHz và 25 kHz, chủ yếu cho thoại tương tự (điện thoại cho mạng không dây, không phải điện thoại thông minh, không phải bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây).	
1.1.13	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự (3)	QCVN 43:2011/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT (1)		Các thiết bị trong hệ thống điều chế góc sử dụng trong nghiệp vụ di động mặt đất, hoạt động tại các tần số vô tuyến giữa 30 MHz và 1000 MHz, có khoảng cách kênh là 12,5 kHz và 25 kHz dùng cho thoại tương tự (điện thoại cho mạng không	- Đối với QCVN 43:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				dây, không phải điện thoại thông minh, không phải bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây), bao gồm:	
			8517.61.00	- Thiết bị trạm gốc (có ổ cắm ăng ten);	
			8517.14.00	- Trạm di động (có ổ cắm ăng ten); - Máy cầm tay có ổ cắm ăng ten; hoặc không có ổ cắm ăng ten (thiết bị ăng ten liền) nhưng có đầu nối RF 50 Ω bên trong cố định hoặc tạm thời cho phép kết nối đến cổng ra của máy phát và cổng vào của máy thu.	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
1.1.14	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu (và thoại) (3)	QCVN 44:2018/BTTTT (12) QCVN 18:2022/BTTTT (1)	8517.62.59	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất sử dụng điều chế góc có đường bao không đổi, hoạt động ở dải tần số vô tuyến từ 30 MHz đến 1 GHz, với các khoảng cách kênh 12,5 kHz và 25 kHz, bao gồm thiết bị cầm tay vô tuyến số hoặc vô tuyến kết hợp tương tự/số dùng ăng ten liền để truyền số liệu và/hoặc thoại.	- Đối với QCVN 44:2018/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
1.1.15	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại) (3)	QCVN 42:2011/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT (1)		Thiết bị vô tuyến số và thiết bị kết hợp tương tự/số có ăng ten rời với mục đích truyền số liệu và/hoặc thoại, bao gồm:	- Đối với QCVN 42:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			8517.61.00	- Thiết bị trạm gốc (có ổ cắm ăng ten	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				được sử dụng ở vị trí cố định);	
			8517.62.59	- Trạm di động (có ổ cắm ăng ten thường được sử dụng trên một phương tiện vận tải hoặc như một trạm lưu động) hoặc máy cầm tay với mục đích truyền số liệu và/hoặc thoại.	
1.2	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá, phát thanh quảng bá				
1.2.1	Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2	QCVN 77:2013/BTTTT	8525.50.00	Máy phát dùng cho dịch vụ phát hình mặt đất sử dụng kỹ thuật số theo tiêu chuẩn DVB-T2 với độ rộng băng tần kênh 8 MHz.	
1.2.2	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM)	QCVN 29:2011/BTTTT	8525.50.00	Thiết bị phát thanh điều biên (AM) sử dụng cho nghiệp vụ phát thanh quảng bá làm việc trong dải	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				tần sóng trung (từ 526,5 kHz đến 1606,5 kHz) và sóng ngắn (từ 3,2 MHz đến 26,1 MHz).	
1.2.3	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM)	QCVN 30:2011/BTTTT	8525.50.00	Thiết bị phát thanh điều tần (FM) sử dụng cho nghiệp vụ phát thanh quảng bá làm việc trong cả chế độ mono và stereo, dải tần 87 MHz đến 108 MHz.	
1.2.4	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz	QCVN 70:2013/BTTTT	8525.50.00	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần 54 MHz đến 68 MHz, làm việc ở chế độ mono.	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
1.3	Thiết bị Ra đa				
1.3.1	Thiết bị Ra đa (trừ thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển và Ra đa thuộc loại thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT(1)	8526.10.10 8526.10.90	Tất cả các loại thiết bị Ra đa dùng trên mặt đất, hoặc trang bị trên máy bay dân dụng, trừ thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển và Ra đa thuộc loại thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	
2	**Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn (4)**				
2.1	Thiết bị điện thoại không dây loại kéo dài thuê bao vô tuyến DECT (3)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 113:2017/BTTTT (1) QCVN 132:2022/BTTTT (12)(13)	8517.11.00	Bộ điện thoại hữu tuyến bao gồm một máy mẹ (Base Station) đi kèm với một hoặc vài máy điện thoại không dây kéo dài bằng sóng vô tuyến điện (máy con) sử dụng công nghệ DECT. Các máy di động cầm tay (máy con) kết nối	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				đến mạng cố định thông qua máy mẹ (Base Station), là một máy điện thoại cố định kết nối cuộc gọi đến mạng cố định.	
2.2	Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz: QCVN 96:2015/BTTTT (1) QCVN 55:2011/BTTTT hoặc QCVN 55:2023/BTTTT - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz: QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT (1) - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 1 GHz - 40 GHz: QCVN 74:2020/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT (1)	8517.62.59 8517.62.69	Thiết bị có đầu nối ăng ten ngoài và/hoặc với ăng ten tích hợp, dùng để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác; kể cả thiết bị sử dụng công nghệ giao tiếp trường gần NFC (Near Field Communication) chủ động. Không áp dụng đối với các thiết bị đã nêu tại mục 4.1 Phụ lục II.	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 55:2011/BTTTT hoặc theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 55:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 55:2011/BTTTT còn giá trị sử dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 55:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
					thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 55:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
		- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 40 GHz – 246 GHz: QCVN 123:2021/BTTTT (12) QCVN 18:2022/BTTTT (1)	8517.62.59 8526.92.00	Thiết bị cảnh báo vô tuyến điện, thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện, thiết bị truyền dữ liệu chung, hoạt động trong dải tần số từ 40 GHz đến 246 GHz cho các trường hợp: - Có kết nối đầu ra vô tuyến với ăng ten riêng hoặc với ăng ten tích hợp; - Sử dụng mọi loại điều chế;	- Đối với QCVN 123:2021/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- Thiết bị cố định, thiết bị di động và thiết bị cầm tay. Không áp dụng đối với các thiết bị đã nêu tại mục 4.1 Phụ lục II của Thông tư này.	
			8526.10.10 8526.10.90	Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện (Ra đa đo mức cự ly ngắn). Không áp dụng đối với các thiết bị đã nêu tại mục 4.1 Phụ lục II của Thông tư này.	
2.3	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60	QCVN 54:2020/BTTTT QCVN 112:2017/BTTTT (1)	8517.62.51	Thiết bị thu-phát sóng Wi-Fi (Modem Wi-Fi, bộ phát Wi-Fi) sử dụng trong mạng nội bộ không dây ở băng tần 2,4 GHz (băng tần số từ 2400 MHz đến 2483,5 MHz) có	- Đối với QCVN 54:2020/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với sản phẩm, hàng hóa không phải là thiết bị thu-phát sóng Wi-Fi (Modem Wi-Fi, bộ phát Wi-Fi),

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	mW đến 200 mW (3)			công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau: - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Thu phát vô tuyến cự ly ngắn khác.	mã số HS: 8517.62.51, có tích hợp chức năng thu-phát sóng Wi-Fi.
			8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	Flycam (camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh được gắn trên thiết bị bay) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz (băng tần số từ 2400 MHz đến 2483,5 MHz) và có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.	
			8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	UAV/Drone (phương tiện bay được điều khiển từ xa, có thể tích hợp thiết bị camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz (băng tần số từ 2400 MHz đến	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				2483,5 MHz) và có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.	
2.4	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW trở lên [3]	QCVN 65:2021/BTTTT [9] QCVN 112:2017/BTTTT [1]	8517.62.51	Thiết bị thu-phát sóng Wi-Fi (Modem Wi-Fi, bộ phát Wi-Fi) sử dụng trong mạng nội bộ không dây ở băng tần 5 GHz (băng tần số bao gồm 3 dải tần con: 5150 MHz đến 5350 MHz, 5470 MHz đến 5725 MHz và 5725 MHz đến 5850 MHz) có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW trở lên, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau:	- Đối với QCVN 65:2021/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với sản phẩm, hàng hóa không phải là thiết bị thu-phát sóng Wi-Fi (Modem Wi-Fi, bộ phát Wi-Fi), mã số HS 8517.62.51, có tích hợp chức năng thu-phát sóng Wi-Fi.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Thu phát vô tuyến cự ly ngắn khác.	
			8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	Flycam (camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh được gắn trên thiết bị bay) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 5 GHz (băng tần số bao gồm 3 dải tần con: 5150 MHz đến	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				5350 MHz, 5470 MHz đến 5725 MHz và 5725 MHz đến 5850 MHz) và có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.	
			8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	UAV/Drone (phương tiện bay được điều khiển từ xa, có thể tích hợp thiết bị camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 5 GHz (băng tần số bao gồm 3 dải tần con: 5150 MHz đến 5350 MHz, 5470	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				MHz đến 5725 MHz và 5725 MHz đến 5850 MHz) và có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.	
2.5	Thiết bị Ra đa ứng dụng trong giao thông đường bộ hoặc đường sắt	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 24 GHz - 24,25 GHz: QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT (1)	8526.10.10 8526.10.90	Thiết bị Ra đa cự ly ngắn hoạt động tại dải tần 24 GHz - 24,25 GHz dùng cho các ứng dụng trong thông tin giao thông (đường bộ hoặc đường sắt) như điều khiển hành trình, phát hiện, cảnh báo, tránh va chạm giữa phương tiện giao thông với vật thể xung quanh.	
2.6	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz: QCVN 96:2015/BTTTT (1) QCVN 55:2011/BTTTT hoặc	8517.62.69	Thiết bị bao gồm bộ phận cảm biến và hệ thống điều khiển được kết nối với	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		QCVN 55:2023/BTTTT - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz: QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT (1)		nhau qua giao diện vô tuyến dùng cho mục đích cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện	55:2011/BTTTT hoặc theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 55:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 55:2011/BTTTT còn giá trị sử dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 55:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 55:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
2.7	Thiết bị điều khiển từ xa vô	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz:	8526.92.00	Thiết bị dùng sóng vô tuyến để điều	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	tuyến điện	QCVN 96:2015/BTTTT (1) QCVN 55:2011/BTTTT hoặc QCVN 55:2023/BTTTT - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz: QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT (1) - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 1 GHz - 40 GHz: QCVN 74:2020/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT (1) - Cho thiết bị không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 73:2013/BTTTT, QCVN 74:2020/BTTTT: QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT (1)		khiển các mô hình, điều khiển trong công nghiệp và dân dụng.	30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 55:2011/BTTTT hoặc theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 55:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 55:2011/BTTTT còn giá trị sử dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 55:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 55:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
2.8	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz: QCVN 96:2015/BTTTT (1) QCVN 55:2011/BTTTT hoặc QCVN 55:2023/BTTTT - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz: QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT (1) Đối với thiết bị hoạt động ở băng tần 918,4 MHz - 923 MHz QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT (1) - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 1 GHz - 40 GHz: QCVN 74:2020/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT (1)		Thiết bị sử dụng sóng vô tuyến để tự động nhận dạng, theo dõi, quản lý hàng hóa, con người, động vật và các ứng dụng khác. Thiết bị có hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện vô tuyến:	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 55:2011/BTTTT hoặc theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 55:2023/BTTTT; Giấy chứng nhận hợp quy theo QCVN 55:2011/BTTTT còn giá trị sử dụng đến hết thời hạn của giấy, bao gồm cả việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 55:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 55:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới
			8523.52.00 8523.59.10	- Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần nhận dạng; chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện. Không bao gồm thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) tại mục 4.2 Phụ lục II của	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				Thông tư này.	hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			8471.60.90	- Thiết bị thu- phát vô tuyến (RF Reader) để kích hoạt thẻ vô tuyến và nhận thông tin của thẻ, chuyển tới hệ thống xử lý số liệu. Không bao gồm thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) tại mục 4.2 Phụ lục II của Thông tư này.	
2.9	Thiết bị thu phí giao thông không dừng áp dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT (1)		Thiết bị thu phí giao thông không dừng áp dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến điện (RFID) băng tần 920 MHz - 923 MHz công suất cao trên 500 mW ERP, có hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				vô tuyến:	
			8523.52.00 8523.59.10	- Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần nhận dạng, chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện.	
			8471.60.90	- Thiết bị thu- phát vô tuyến (RF Reader) để kích hoạt thẻ vô tuyến và nhận thông tin của thẻ, chuyển tới hệ thống xử lý số liệu.	
2.10	Thiết bị âm thanh không dây	QCVN 91:2015/BTTTT QCVN 130:2022/BTTTT (1)	8518.10.11 8518.10.19 8518.10.90	Micro không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.	
			8518.21.10 8518.21.90 8518.22.10 8518.22.90 8518.29.20 8518.29.90	Loa không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.	
			8518.30.10 8518.30.20	Tai nghe không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
			8518.30.51 8518.30.59 8518.30.90	Micro/loa kết hợp không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.	
2.11	Thiết bị truyền dữ liệu băng siêu rộng (UWB)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 94:2015/BTTTT (1)	8517.62.59	Thiết bị sử dụng công nghệ băng thông siêu rộng (UWB) dùng để truyền thông tin cố định trong nhà hoặc di động và xách tay, bao gồm: - Các thiết bị vô tuyến độc lập có hoặc không có phần điều khiển kèm theo; - Các thiết bị vô tuyến cắm thêm	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				(plug-in) dạng mô-đun được sử dụng để cắm vào các đối tượng thiết bị chủ khác nhau, như máy tính cá nhân, thiết bị đầu cuối cầm tay…; - Các thiết bị vô tuyến cắm thêm được dùng trong thiết bị tổ hợp, ví dụ như các modem cáp, Set Top Box, điểm truy nhập; - Thiết bị tổ hợp hoặc tổ hợp của thiết bị vô tuyến cắm thêm và một thiết bị chủ cụ thể; - Thiết bị dùng trong các phương tiện đường bộ và đường sắt.	

Ghi chú: Việc thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa nêu tại Phụ lục I đối với một số trường hợp cụ thể quy định như sau:

(1) Đối với quy chuẩn kỹ thuật này, sản phẩm, hàng hóa không phải thực hiện chứng nhận hợp quy mà chỉ thực hiện công bố hợp quy.

(2) Khi áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT, ngoài các yêu cầu tại QCVN 47:2015/BTTTT, sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ các quy hoạch tần số vô tuyến điện của Việt Nam.

(3) Loại sản phẩm, hàng hóa này không áp dụng đối với thiết bị thông tin phòng nổ.

(4) Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn tại mục này không bao gồm thiết bị chỉ thu vô tuyến; thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) nhỏ hơn 60 mW; thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) nhỏ hơn 60 mW. Chỉ thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy khi thiết bị phù hợp về băng tần và điều kiện kỹ thuật, khai thác theo quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng, thiết bị truy nhập vô tuyến độc lập hoạt động trên một hoặc nhiều băng tần có hỗ trợ băng tần 6 GHz (5,925 GHz đến 7,125 GHz) (sau đây gọi là thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7) chỉ được thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy với điều kiện nhà sản xuất thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 có văn bản cam kết đã tắt băng tần 6 GHz và người sử dụng không thể kích hoạt, sử dụng băng tần này nếu không có sự hỗ trợ của nhà sản xuất.

Thiết bị có tích hợp chức năng của thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 chỉ được thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy với điều kiện nhà sản xuất thiết bị có tích hợp chức năng của thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 có văn bản cam kết đã tắt băng tần 6 GHz và người sử dụng không thể kích hoạt, sử dụng băng tần này nếu không có sự hỗ trợ của nhà sản xuất.

(5) Chỉ thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy khi thiết bị phù hợp về băng tần và điều kiện kỹ thuật, khai thác theo quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.

(6) Các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, phân phối, sử dụng thiết bị trạm gốc, thiết bị lặp thông tin di động cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện.

(7) Đối với QCVN 117:2023/BTTTT: chưa áp dụng các yêu cầu Độ nhạy bức xạ tổng cộng của máy thu (TRS) tại điều 2.2.12 và Công suất bức xạ tổng cộng (TRP) tại điều 2.2.13 của quy chuẩn kỹ thuật.

(8) Đối với QCVN 101:2020/BTTTT: chỉ bắt buộc công bố hợp quy yêu cầu về đặc tính an toàn quy định tại điều 2.6 của quy chuẩn kỹ thuật này.

(9) Đối với QCVN 65:2021/BTTTT: tại điều 2.1.2 của QCVN 65:2021/BTTTT không áp dụng công thức (1) của quy chuẩn kỹ thuật.

(10) Đối với QCVN 128:2021/BTTTT: chưa áp dụng Yêu cầu hiệu năng trạm gốc 5G tại điều 2.4. Khi áp dụng QCVN 128:2021/BTTTT, các thiết bị hỗ trợ băng tần n77, n78 phải áp dụng các yêu cầu tại Phụ lục D của QCVN 128:2021/BTTTT, ngoại trừ yêu cầu giới hạn phát xạ giả tại mục D.4 của QCVN 128:2021/BTTTT.

(11) Đối với QCVN 131:2022/BTTTT: chưa áp dụng các yêu cầu Độ nhạy bức xạ tổng máy thu (TRS) tại điều 2.2.12 và Công suất bức xạ tổng (TRP) tại điều 2.2.13 của quy chuẩn kỹ thuật.

(12) Không được sử dụng kết quả đo kiểm/thử nghiệm của phòng thử nghiệm trong nước, ngoài nước chưa được chỉ định, thừa nhận, hoặc kết quả đo kiểm/thử nghiệm của nhà sản xuất để đánh giá sự phù hợp đối với quy chuẩn kỹ thuật này.

(13) Đối với QCVN 132:2022/BTTTT: trường hợp sản phẩm, hàng hóa sử dụng bộ chuyển đổi điện áp (adapter), nếu bộ chuyển đổi điện áp đi kèm thì thử nghiệm QCVN 132:2022/BTTT cho sản phẩm, hàng hóa đi kèm bộ chuyển đổi điện áp; nếu bộ chuyển đổi điện áp không đi kèm thì thử nghiệm QCVN 132:2022/BTTTT cho sản phẩm, hàng hóa không kèm bộ chuyển đổi điện áp.

Phụ lục II

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BẮT BUỘC PHẢI CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
1	**Thiết bị công nghệ thông tin**				
1.1	Máy tính cá nhân để bàn (Desktop computer)	QCVN 118:2018/BTTTT QCVN 132:2022/BTTTT (12)(13)	8471.41.10	Thiết bị được thiết kế chứa trong cùng một vỏ, có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng: - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G);	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	
1.2	Máy tính xách tay (Laptop and portable computer)	QCVN 118:2018/BTTTT QCVN 101:2020/BTTTT (8) QCVN 132:2022/BTTTT (12)(13)	8471.30.20	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng: - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.	
1.3	Máy tính bảng	QCVN 118:2018/BTTTT	8471.30.90	Máy xử lý dữ liệu tự	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	(Tablet)	QCVN 101:2020/BTTTT [8] QCVN 132:2022/BTTTT [12][13]		động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình (trừ máy tính xách tay, notebook, subnotebook), có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng: - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Thu phát vô tuyến cự ly ngắn.	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
2	**Thiết bị phát thanh, truyền hình**				
2.1	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box) trong mạng truyền hình vệ tinh (trừ thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S/S2)	QCVN 118:2018/BTTTT	8528.71.91 8528.71.99	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình vệ tinh ở dạng tương tự (analog), không có chức năng tương tác thông tin.	
2.2	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S/S2	QCVN 118:2018/BTTTT	8528.71.91 8528.71.99	Thiết bị thu dùng để thu, giải mã tín hiệu truyền hình vệ tinh không khoá mã (Free To Air - FTA) công nghệ DVB-S và/hoặc DVB-S2, hỗ trợ SDTV/HDTV, không có chức năng tương tác thông tin.	
2.3	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box) trong mạng truyền	QCVN 118:2018/BTTTT QCVN 132:2022/BTTTT [12][13]	8528.71.11 8528.71.19 8528.71.91 8528.71.99	Thiết bị giải mã tín hiệu trong mạng truyền hình cáp sử dụng kỹ thuật số. Thiết bị có thể có hoặc không có chức năng	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	hình cáp sử dụng kỹ thuật số			tương tác thông tin với nhà cung cấp dịch vụ.	
2.4	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box) trong mạng truyền hình IPTV	QCVN 118:2018/BTTTT QCVN 132:2022/BTTTT (12)(13)	8528.71.11 8528.71.19 8528.71.91 8528.71.99	Thiết bị giải mã tín hiệu trong mạng truyền hình IPTV (truyền hình qua đường truyền internet). Thiết bị có thể có hoặc không có chức năng tương tác thông tin với nhà cung cấp dịch vụ.	
2.5	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 (Set Top Box DVB-T2)	QCVN 63:2020/BTTTT QCVN 118:2018/BTTTT	8528.71.91 8528.71.99	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số mặt đất sử dụng công nghệ DVB-T2, không có chức năng tương tác thông tin.	
2.6	Máy thu hình có tích hợp chức năng thu tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 (iDTV)	QCVN 63:2020/BTTTT QCVN 118:2018/BTTTT QCVN 132:2022/BTTTT (12)(13)	8528.72.92 8528.72.99	Thiết bị thu dùng trong truyền hình có chức năng giải mã tín hiệu truyền hình số mặt đất sử dụng công nghệ DVB-T2. Có thiết kế để gắn thiết bị video hoặc màn ảnh, có màu, không hoạt động bằng pin và	Đối với QCVN 63:2020/BTTTT: được sử dụng kết quả đo kiểm của các máy thu hình khác sử dụng cùng sắt xi (chassis/platform) để thực hiện công bố hợp quy. Sắt xi là tổ hợp của ba thành phần: Bộ thu sóng (Tuner), IC xử lý chính (IC có Bộ giải

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				không sử dụng ống đèn hình tia ca-tốt.	điều chế (Demodulator) và Bộ giải mã (Decoder) được tích hợp bên trong), Software (hay Firmware); hoặc tổ hợp của hai thành phần: Bo mạch chính (Mainboard) và Software (hay Firmware). Tài liệu kỹ thuật trong hồ sơ công bố hợp quy, đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu phải thể hiện máy thu hình sử dụng cùng sắt xi, cụ thể: - Tài liệu kỹ thuật của chủng loại máy thu hình công bố hợp quy/đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, có thể hiện đủ các thành phần sắt xi, kèm theo mã hiệu của các thành phần sắt xi. - Tài liệu cam kết của nhà sản xuất về các máy thu hình sử dụng cùng sắt xi, có Danh sách các máy thu hình sử dụng cùng sắt xi, với mã hiệu của các thành phần sắt xi giống

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
					nhau. - Kết quả đo kiểm của một chủng loại máy thu hình trong Danh sách các máy thu hình sử dụng cùng sắt xi, có thể hiện rõ mã hiệu của các thành phần sắt xi.
2.7	Thiết bị khuếch đại trong hệ thống phân phối truyền hình cáp	QCVN 72:2013/BTTTT	8543.70.90	Thiết bị có chức năng khuếch đại tín hiệu được sử dụng trong mạng truyền hình cáp (hệ thống hữu tuyến sóng mang hoặc hệ thống hữu tuyến kỹ thuật số).	
3	**Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz và có công suất phát từ 60 mW trở lên**				
3.1	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất				
3.1.1	Thiết bị vi ba số	- Cho thiết bị vi ba số điểm - điểm dải tần từ 1,4 GHz đến 55 GHz: QCVN 53:2017/BTTTT (12)(14) QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu sử dụng công nghệ vi ba số.	- Đối với QCVN 53:2017/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		- Cho thiết bị vi ba số không phải là thiết bị vi ba số điểm - điểm dải tần từ 1,4 GHz đến 55 GHz: QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT			
3.1.2	Thiết bị trung kế vô tuyến điện mặt đất (TETRA) (3)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 100:2015/BTTTT		Thiết bị trung kế vô tuyến mặt đất TETRA, bao gồm:	
			8517.61.00	- Thiết bị trạm gốc (BS);	
			8517.14.00	- Máy điện thoại di động (MS); - Máy điện thoại di động - chế độ trực tiếp (DM-MS); - Máy điện thoại di động - DW (DW-MS);	
			8517.62.59	- Thiết bị lặp - chế độ trực tiếp (DM-REP), không phải điện thoại; - Thiết bị lặp/cổng - chế độ trực tiếp (DM-REP/GATE), không	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				phải điện thoại; - Thiết bị lặp - chế độ trung kế (TMO-REP), không phải điện thoại;	
			8517.62.59 8517.62.69	- Thiết bị cổng - chế độ trực tiếp (DM-GATE), không phải điện thoại; - Thiết bị cơ động của các hệ thống thông tin vô tuyến TETRA, không phải điện thoại.	
3.2	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh (trừ các thiết bị di động dùng trong hàng hải và hàng không)				
3.2.1	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần C	QCVN 38:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị VSAT (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu) hoạt động trong băng tần C của dịch vụ thông tin qua vệ tinh thuộc quỹ đạo địa tĩnh.	- Đối với QCVN 38:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.2.2	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần Ku	QCVN 39:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị VSAT (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu) hoạt động trong băng tần Ku của	- Đối với QCVN 39:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				dịch vụ thông tin qua vệ tinh thuộc quỹ đạo địa tĩnh.	
3.2.3	Trạm đầu cuối di động mặt đất của hệ thống thông tin di động toàn cầu qua vệ tinh phi địa tĩnh trong băng tần 1 GHz - 3 GHz	QCVN 40:2011/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59	Trạm (thiết bị) đầu cuối di động mặt đất của hệ thống thông tin di động toàn cầu qua vệ tinh phi địa tĩnh trong băng tần 1 GHz - 3 GHz (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu).	
3.2.4	Thiết bị trạm mặt đất di động hoạt động trong băng tần Ku.	QCVN 116:2017/BTTTT (12)	8517.62.59	Thiết bị trạm mặt đất di động (MES) (ngoại trừ các đài trái đất lưu động hàng không, hoạt động trong băng tần Ku) hoạt động trong các dải tần số của các nghiệp vụ cố định qua vệ tinh (FSS) (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu): - 10,70 GHz đến 11,70 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất);	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				- 12,50 GHz đến 12,75 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất); - 14,00 GHz đến 14,25 GHz (chiều từ trái đất đến vũ trụ).	
3.3	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ di động hàng hải (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)				
3.3.1	Thiết bị thu phát vô tuyến VHF của trạm ven biển thuộc hệ thống GMDSS	QCVN 24:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT		Máy phát, máy thu-phát có các đầu nối ăng ten ngoài của các trạm ven biển, hoạt động trong băng tần VHF của nghiệp vụ lưu động hàng hải và sử dụng loại phát xạ G3E, và G2B cho báo hiệu DSC:	- Đối với QCVN 24:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			8517.62.53	- Thiết bị thoại tương tự, gọi chọn số (DSC), hoặc cả hai;	
			8517.62.59	- Thiết bị hoạt động trong băng tần từ 156 MHz đến 174 MHz; - Thiết bị hoạt động bằng điều khiển tại chỗ	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				hoặc điều khiển từ xa; - Thiết bị hoạt động với khoảng cách kênh 25 kHz; - Thiết bị hoạt động trong các chế độ đơn công, bán song công và song công; - Thiết bị có thể gồm nhiều khối; - Thiết bị có thể là đơn kênh hoặc đa kênh; - Thiết bị hoạt động trên các khu vực sóng vô tuyến dùng chung; - Thiết bị hoạt động riêng biệt đối với thiết bị vô tuyến khác.	
3.3.2	Thiết bị điện thoại VHF hai chiều lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn	QCVN 26:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.18.00	Thiết bị điện thoại vô tuyến VHF hai chiều, hoạt động trong băng tần từ 156 MHz đến 174 MHz sử dụng trong nghiệp vụ lưu động hàng hải và thích hợp cho việc	- Đối với QCVN 26:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn thuộc hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS).	
3.3.3	Thiết bị Inmarsat-C sử dụng trên tàu biển	QCVN 28:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị trạm mặt đất Inmarsat-C sử dụng trên tàu biển thuộc hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS) (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu).	- Đối với QCVN 28:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.4	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên phương tiện cứu sinh	QCVN 50:2020/BTTTT (12) QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.18.00	Thiết bị điện thoại vô tuyến VHF loại xách tay hoạt động trong băng tần nghiệp vụ lưu động hàng hải từ 156 MHz đến 174 MHz; phù hợp sử dụng trên các tàu cứu nạn và có thể dùng trong các tàu thuyền trên biển.	- Đối với QCVN 50:2020/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.5	Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải	QCVN 57:2018/BTTTT (12) QCVN 47:2015/BTTTT (2)	8526.91.10	Thiết bị Phao vô tuyến (chỉ phát dùng cho điện báo) chỉ vị trí khẩn cấp	- Đối với QCVN 57:2018/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	(EPIRB) hoạt động ở băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz (5)	QCVN 119:2019/BTTTT		(EPIRB) qua vệ tinh khai thác trong hệ thống vệ tinh COSPAS-SARSAT để thông tin vô tuyến trong Hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS).	ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.6	Phao chỉ báo vị trí cá nhân hoạt động trên băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz (5)	QCVN 108:2016/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT		Thiết bị Phao (chỉ phát dùng cho điện báo) chỉ báo vị trí cá nhân (sau đây gọi tắt là phao PLB) hoạt động trong hệ thống vệ tinh COSPAS-SARSAT. Các phao PLB này hoạt động trên băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz và có phạm vi nhiệt độ: - Từ -40 °C đến +55 °C (phao PLB loại 1), hoặc - Từ -20 °C đến +55 °C (phao PLB loại 2).	- Đối với QCVN 108:2016/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			8526.91.10	Loại dùng cho cá nhân trên máy bay dân dụng,	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				hoặc chuyên dụng cho tàu thuyền đi biển.	
			8526.91.90	Loại dùng cho cá nhân khác.	
3.3.7	Thiết bị phao vô tuyến định vị khẩn cấp (ELT) (5)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT	8526.91.10	Thiết bị phát tín hiệu vị trí khẩn cấp sử dụng sóng vô tuyến điện chuyên dùng trên tàu bay (thiết bị ELT).	
3.3.8	Thiết bị gọi chọn số DSC	QCVN 58:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị gọi chọn số (DSC), không phải thiết bị điện thoại hoạt động ở các băng tần MF, MF/HF và/hoặc VHF trong hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS) thường sử dụng trên các tàu, thuyền (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu).	- Đối với QCVN 58:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.9	Bộ phát đáp Ra đa tìm kiếm và cứu nạn (5)	QCVN 60:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.62.59	Bộ phát đáp Ra đa hoạt động trong băng tần 9200 MHz - 9500 MHz với mục đích tìm kiếm	- Đối với QCVN 60:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				và cứu nạn (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu).	ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.10	Thiết bị Radiotelex sử dụng trong nghiệp vụ MF/HF hàng hải	QCVN 62:2011/BTTTT (15) QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị radiotelex sử dụng trên tàu thuyền trong hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS) (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu).	- Đối với QCVN 62:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.11	Thiết bị trong hệ thống nhận dạng tự động (AIS) sử dụng trên tàu biển (5)	QCVN 68:2013/BTTTT (15) QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8526.91.10	Thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến, dùng trong hệ thống nhận dạng tự động sử dụng trên tàu biển (xác định vị trí của tàu mình và các tàu, thuyền xung quanh trong một phạm vi nhất định để điều chỉnh hướng, tốc độ cho phù hợp).	- Đối với QCVN 68:2013/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.12	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (5)	QCVN 107:2016/BTTTT (15) QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.62.53	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (AIS SART) (thiết bị truyền dẫn kết	- Đối với QCVN 107:2016/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				hợp thiết bị thu dùng cho điện báo).	
3.3.13	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng cho nghiệp vụ di động hàng hải	QCVN 52:2020/BTTTT (12) QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.18.00	Máy phát VHF dùng cho điện thoại và gọi chọn số (DSC), có đầu nối ăng ten bên ngoài dùng trên tàu thuyền.	- Đối với QCVN 52:2020/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.14	Thiết bị điện thoại vô tuyến MF và HF	QCVN 59:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.18.00	Máy thu, máy phát vô tuyến, dùng cho điện thoại, được sử dụng trên các tàu thuyền lớn, hoạt động chỉ ở tần số trung bình (MF) hoặc ở các băng tần số trung bình và cao tần (MF/HF), được phân bổ cho nghiệp vụ lưu động hàng hải (MMS), bao gồm: - Thiết bị điều chế đơn biên (SSB) đối với việc phát và thu thoại (J3F); - Thiết bị khoá dịch tần (FSK) hoặc điều chế SSB của sóng mang phụ có khoá để phát và thu	- Đối với QCVN 59:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				và phát các tín hiệu gọi chọn số (DSC); - Thiết bị vô tuyến, không tích hợp với bộ mã hoá hoặc bộ giải mã DSC, nhưng xác định các giao diện với thiết bị như vậy.	
3.3.15	Thiết bị điện thoại vô tuyến UHF	QCVN 61:2011/BTTTT QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8517.18.00	Thiết bị vô tuyến dùng cho điện thoại, được lắp đặt ở các tàu thuyền lớn và các hệ thống hoạt động trên các tần số UHF được phân bổ cho các dịch vụ di động hàng hải.	- Đối với QCVN 61:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
3.3.16	Thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 119:2019/BTTTT	8526.10.10 8526.10.90	Tất cả các loại thiết bị Ra đa lắp đặt trên tàu thuyền đi biển.	Thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển nhập khẩu được miễn kiểm tra chất lượng theo Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ, nhưng vẫn phải thực hiện công bố hợp quy trước khi đưa vào sử dụng.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
3.4	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ di động hàng không (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)				
3.4.1	Thiết bị vô tuyến trong nghiệp vụ di động hàng không băng tần 117,975 MHz - 137 MHz dùng trên mặt đất sử dụng điều chế AM	QCVN 105:2016/BTTTT QCVN 106:2016/BTTTT		Thiết bị phát hoặc phát kết hợp thiết bị thu vô tuyến VHF điều chế biên độ song biên đầy đủ sóng mang (DSB AM), với khoảng cách kênh 8,33 kHz hoặc 25 kHz dùng cho thoại tương tự để truyền thông tin cho ACARS. Các thiết bị bao gồm:	
			8517.61.00	- Thiết bị trạm gốc mặt đất;	
			8517.14.00 8517.62.59 8517.62.69	- Thiết bị di động;	
			8517.14.00 8517.62.59 8517.62.69	- Thiết bị xách tay và thiết bị cầm tay sử dụng trên mặt đất.	
3.4.2	Thiết bị vô tuyến trong	QCVN 47:2015/BTTTT (2)		Các thiết bị vô tuyến điện trong nghiệp vụ di	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	nghiệp vụ di động hàng không băng tần 117,975 MHz - 137 MHz dùng trên mặt đất	QCVN 106:2016/BTTTT		động hàng không có thể hoạt động ở trong tất cả hoặc một phần của băng tần 117,975 MHz - 137 MHz, bao gồm:	
			8517.61.00	Thiết bị trạm gốc mặt đất;	
			8517.14.00 8517.62.59 8517.62.69	Thiết bị di động, thiết bị xách tay và thiết bị cầm tay sử dụng trên mặt đất.	
3.4.3	Thiết bị chỉ góc hạ cánh trong hệ thống vô tuyến dẫn đường hàng không	QCVN 104:2016/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT	8526.91.10	Thiết bị chỉ góc hạ cánh trong hệ thống vô tuyến dẫn đường hàng không dân dụng dùng trên mặt đất hoạt động trong băng tần từ 328,6 MHz đến 335,4 MHz.	
3.5	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa (trừ thiết bị dùng	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59 8517.62.69	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa (trừ thiết bị dùng ngoài khơi cho ngành dầu khí) nhưng không dùng cho điện	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	ngoài khơi cho ngành dầu khí)			báo/điện thoại.	
3.6	Thiết bị vô tuyến dẫn đường	QCVN 47:2015/BTTTT [2] QCVN 18:2022/BTTTT	8526.91.10 8526.91.90	Thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến dùng cho mục đích dẫn đường, cảnh báo chướng ngại vật thuộc nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh, dẫn đường hàng không, dẫn đường hàng không qua vệ tinh.	
		QCVN 47:2015/BTTTT [2] QCVN 119:2019/BTTTT	8526.91.10 8526.91.90	Thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến dùng cho mục đích dẫn đường, cảnh báo chướng ngại vật thuộc nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng hải, dẫn đường hàng hải qua vệ tinh.	
3.7	Thiết bị vô tuyến nghiệp dư	QCVN 56:2011/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện hoạt động trên dải tần số phân bổ cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư (phân bổ theo quy định	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				của Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia).	
3.8	Thiết bị khác	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59 8517.62.69 8517.62.99 8517.69.00 8526.10.10 8526.10.90 8526.91.10 8526.91.90 8526.92.00	- Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz và có công suất phát từ 60 mW trở lên chưa được liệt kê tại mục 1 Phụ lục I và mục 3 Phụ lục II của Thông tư này. - Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz và có công suất phát từ 60 mW trở lên đã được liệt kê tại mục 1 Phụ lục I và mục 3 Phụ lục II của Thông tư này nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật áp	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				dụng tương ứng.	
4	**Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn** [4]				
4.1	Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung	- Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 13,553-13,567 MHz: QCVN 96:2015/BTTTT QCVN 55:2011/BTTTT hoặc QCVN 55:2023/BTTTT - Cho thiết bị hoạt động tại các băng tần 26,957-27,283 MHz; 40,66-40,7 MHz: QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT - Cho thiết bị hoạt động tại các băng tần 5725-5850 MHz, 24,00-24,25 GHz: QCVN 74:2020/BTTTT [12] QCVN 96:2015/BTTTT	8517.62.59 8517.62.69	Thiết bị có đầu nối ăng ten ngoài và/hoặc với ăng ten tích hợp, dùng để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác; kể cả thiết bị sử dụng công nghệ giao tiếp trường gần NFC (Near Field Communication) chủ động hoạt động trong các băng tần 13,553-13,567 MHz, 26,957-27,283 MHz; 40,66-40,7 MHz, 5725-5850 MHz, 24,00-24,25 GHz.	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN 55:2011/BTTTT hoặc theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 55:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 55:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 55:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		- Cho thiết bị hoạt động tại các băng tần 61,0-61,5 GHz, 122-123 GHz, 244-246 GHz: QCVN 123:2021/BTTTT (12) QCVN 18:2022/BTTTT	8517.62.59 8526.92.00	Thiết bị cảnh báo vô tuyến điện, thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện, thiết bị truyền dữ liệu chung, hoạt động trong các băng tần 61,0-61,5 GHz, 122-123 GHz, 244-246 GHz cho các trường hợp: - Có kết nối đầu ra vô tuyến với ăng ten riêng hoặc với ăng ten tích hợp; - Sử dụng mọi loại điều chế; - Thiết bị cố định, thiết bị di động và thiết bị cầm tay.	- Đối với QCVN 123:2021/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			8526.10.10 8526.10.90	Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện (Ra đa đo mức cự ly ngắn).	
4.2	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 13,553 MHz – 13,567 MHz:		Thiết bị sử dụng sóng vô tuyến để tự động nhận dạng, theo dõi, quản lý hàng hóa, con người,	- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024: được lựa chọn áp dụng theo QCVN

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		QCVN 96:2015/BTTTT QCVN 55:2011/BTTTT hoặc QCVN 55:2023/BTTTT		động vật và các ứng dụng khác, hoạt động tại băng tần 13,553 MHz – 13,567 MHz. Thiết bị có hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện vô tuyến:	55:2011/BTTTT hoặc theo QCVN 55:2023/BTTTT. - Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: áp dụng QCVN 55:2023/BTTTT. - Đối với QCVN 55:2011/BTTTT: ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. - Đối với QCVN 55:2023/BTTTT: chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.
			8523.52.00 8523.59.10	- Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần nhận dạng; chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện.	
			8471.60.90	- Thiết bị thu- phát vô tuyến (RF Reader) để kích hoạt thẻ vô tuyến và nhận thông tin của thẻ, chuyển tới hệ thống xử lý số liệu.	
4.3	Thiết bị Ra đa ứng dụng trong giao thông đường bộ hoặc	Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 76 GHz - 77 GHz: QCVN 18:2022/BTTTT	8526.10.10 8526.10.90	Thiết bị Ra đa cự ly ngắn hoạt động tại dải tần 76 GHz - 77 GHz dùng cho các ứng dụng	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
	đường sắt			trong thông tin giao thông (đường bộ hoặc đường sắt) như điều khiển hành trình, phát hiện, cảnh báo, tránh va chạm giữa phương tiện giao thông với vật thể xung quanh.	
4.4	Thiết bị sạc không dây	QCVN 96:2015/BTTTT	8504.40.19 8504.40.90	Thiết bị vô tuyến điện thực hiện truyền năng lượng điện và tín hiệu từ nguồn cấp điện sang thiết bị cần sạc theo nguyên lý cảm ứng điện từ trường (thiết bị biến đổi tĩnh điện).	
4.5	Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện	QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT	8526.92.00	Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện tự động hiển thị hoặc ghi lại các thông số đo lường và điều khiển các chức năng của thiết bị khác qua giao diện vô tuyến.	
		QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT	8526.10.10 8526.10.90	Thiết bị Ra đa cự ly ngắn, hoạt động trong	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				băng tần 24 GHz - 24,25 GHz, dùng cho các ứng dụng định vị, đo khoảng cách (không phải loại thiết bị Ra đa ứng dụng trong giao thông đường bộ hoặc đường sắt).	
4.6	Hệ thống liên lạc dành cho thiết bị y tế cấy ghép (MICS) và Hệ thống đo lường dành cho thiết bị y tế cấy ghép (MITS)	QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT	8517.62.59	Thiết bị thu phát sóng vô tuyến cự ly ngắn, băng tần 401 MHz - 406 MHz, trang bị trong các bộ lập trình hoặc cảm biến, truyền dữ liệu từ xa vô tuyến.	
4.7	Thiết bị truy nhập vô tuyến tốc độ cao băng tần 60 GHz	QCVN 88:2015/BTTTT QCVN 112:2017/BTTTT	8517.62.51	Thiết bị truy nhập vô tuyến tốc độ cao, lên tới hàng Gigabit, dùng cho ứng dụng trong mạng nội bộ không dây WLAN hoặc mạng cá nhân không dây WPAN cự ly ngắn hoạt động trong băng tần 60 GHz (không áp dụng đối với	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				các loại thiết bị vô tuyến dùng cho ứng dụng mở rộng mạng LAN cố định ngoài trời hay ứng dụng truyền dẫn vô tuyến cố định điểm - điểm hoạt động trong băng tần 60 GHz).	
4.8	Thiết bị truyền hình ảnh số không dây	QCVN 92:2015/BTTTT QCVN 93:2015/BTTTT		Thiết bị truyền hình ảnh số không dây hoạt động trong dải tần từ 1,3 GHz đến 50 GHz, có băng thông kênh cho phép tối đa là 5 MHz, 10 MHz, 20 MHz, bao gồm:	
			8525.50.00	- Thiết bị phát;	
			8525.60.00	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu.	
4.9	Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn khác	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 40 GHz: QCVN 47:2015/BTTTT (2) QCVN 96:2015/BTTTT	8517.62.59 8526.10.10 8526.10.90 8526.92.00	- Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn chưa được liệt kê tại mục 2 Phụ lục I của Thông tư này và mục 4 Phụ lục II của Thông tư này;	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
		- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần trên 40 GHz: QCVN 18:2022/BTTTT		- Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn đã được liệt kê tại mục 2 Phụ lục I của Thông tư này và mục 4 Phụ lục II của Thông tư này nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng.	
5	**Pin Lithium cho thiết bị cầm tay**				
5.1	Pin Lithium cho máy tính xách tay, điện thoại di động, máy tính bảng	QCVN 101:2020/BTTTT [8]	8507.60.90	Pin Lithium rời dùng cho máy điện thoại di động. Không áp dụng đối với Pin Lithium rời là pin sạc dự phòng dùng để nạp điện cho các thiết bị này.	
			8507.60.31	Pin Lithium rời dùng cho máy tính xách tay, máy tính bảng. Không áp dụng đối với Pin Lithium rời là pin sạc dự phòng dùng để nạp điện	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Quy định áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy
				cho các thiết bị này.	

Ghi chú: Việc thực hiện công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa nêu tại Phụ lục II đối với một số trường hợp cụ thể quy định như sau:

(2) Khi áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT, ngoài các yêu cầu tại QCVN 47:2015/BTTTT, sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ các quy hoạch tần số vô tuyến điện của Việt Nam.

(3) Loại sản phẩm, hàng hóa này không áp dụng đối với thiết bị thông tin phòng nổ.

(4) Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn tại mục này không bao gồm thiết bị chỉ thu vô tuyến; thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) nhỏ hơn 60 mW; thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) nhỏ hơn 60 mW. Chỉ thực hiện công bố hợp quy khi thiết bị phù hợp về băng tần và điều kiện kỹ thuật, khai thác theo quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng, thiết bị truy nhập vô tuyến độc lập hoạt động trên một hoặc nhiều băng tần có hỗ trợ băng tần 6 GHz (5,925 GHz đến 7,125 GHz) (sau đây gọi là thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7) chỉ được thực hiện công bố hợp quy với điều kiện nhà sản xuất thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 có văn bản cam kết đã tắt băng tần 6 GHz và người sử dụng không thể kích hoạt, sử dụng băng tần này nếu không có sự hỗ trợ của nhà sản xuất.

Thiết bị có tích hợp chức năng của thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 chỉ được thực hiện công bố hợp quy với điều kiện nhà sản xuất thiết bị có tích hợp chức năng của thiết bị Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 có văn bản cam kết đã tắt băng tần 6 GHz và người sử dụng không thể kích hoạt, sử dụng băng tần này nếu không có sự hỗ trợ của nhà sản xuất.

(5) Chỉ thực hiện công bố hợp quy khi thiết bị phù hợp về băng tần và điều kiện kỹ thuật, khai thác theo quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.

(8) Đối với QCVN 101:2020/BTTTT: chỉ bắt buộc công bố hợp quy yêu cầu về đặc tính an toàn quy định tại điều 2.6 của quy chuẩn kỹ thuật này.

(12) Không được sử dụng kết quả đo kiểm/thử nghiệm của phòng thử nghiệm trong nước, ngoài nước chưa được chỉ định, thừa nhận, hoặc kết quả đo kiểm/thử nghiệm của nhà sản xuất để đánh giá sự phù hợp đối với quy chuẩn kỹ thuật này.

(13) Đối với QCVN 132:2022/BTTTT: trường hợp sản phẩm, hàng hóa sử dụng bộ chuyển đổi điện áp (adapter), nếu bộ chuyển đổi điện áp đi kèm thì thử nghiệm QCVN 132:2022/BTTT cho sản phẩm, hàng hóa đi kèm bộ chuyển đổi điện áp; nếu bộ chuyển đổi điện áp không đi kèm thì thử nghiệm QCVN 132:2022/BTTTT cho sản phẩm, hàng hóa không kèm bộ chuyển đổi điện áp.

(14) Đối với QCVN 53:2017/BTTTT: chưa áp dụng các yêu cầu đối với ăng ten tại điều 2.3 của quy chuẩn kỹ thuật.

(15) Không áp dụng các yêu cầu về tương thích điện từ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.